

Số: 13851/TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 12 năm 2024

## TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết sửa đổi một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU, KHOẢN CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 27/2022/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2022 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH:

Hiện nay, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đang thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 và Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh.

Ngày 30/11/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1500/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, - trong đó dự toán ngân sách tỉnh Khánh Hòa năm 2025 được Trung ương xác định có tăng thu so với dự toán năm 2024, do đó căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh tăng định mức chi thường xuyên của một số lĩnh vực để phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

### II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

#### 1. Mục đích ban hành

- Cập nhật các nội dung đã sửa đổi tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về



định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Việc xây dựng Nghị quyết nhằm tiệm cận định mức chi của các cơ quan trung ương và tăng tính chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát sinh phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy cơ quan, hạn chế bổ sung ngoài dự toán, cụ thể:

+ Tăng bình quân 50% định mức hoạt động của 1 biên chế (gồm lĩnh vực quản lý nhà nước, Đảng, các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các đơn vị sự nghiệp công lập được NSNN hỗ trợ).

+ Tổng hợp chế độ Lễ Tết<sup>1</sup> bình quân là 3 triệu đồng/biên chế/năm vào định mức chi thường xuyên.

+ Tăng định mức chi hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng từ 44 triệu đồng/trung tâm/năm lên 70 triệu đồng/trung tâm/năm do tăng mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

+ Tăng định mức chi sự nghiệp môi trường cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo bố trí chi sự nghiệp môi trường tối thiểu 1% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 3 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính và thực hiện công tác thu gom, xử lý rác thải.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

- Phù hợp khả năng cân đối của ngân sách địa phương năm 2025 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước giai đoạn 2023-2025.

- Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

- Nghị quyết xây dựng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với các lĩnh vực làm căn cứ xác định dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội;

### **2. Đối tượng áp dụng:**

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

<sup>1</sup> Kinh phí tăng thêm chế độ 03 ngày Lễ gồm Tết Dương lịch, lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 03 âm lịch), ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (ngày 30/4) với số tiền 900.000 đồng/người (300.000 đồng/ngày/người), cùng với chế độ đang thực hiện là 2,1 triệu đồng/người (03 ngày gồm Tết Nguyên đán, Quốc tế Lao động 01/5, Quốc khánh 02/9)

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

#### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Ngày 08/11/2024, Thường trực HĐND tỉnh có Công văn số 629/HĐND- VP về việc cho ý kiến đề nghị xây dựng Nghị quyết, trong đó thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND theo trình tự, thủ tục rút gọn. Theo đó, UBND tỉnh có công văn số 12753/UBND-KT ngày 11/11/2024 giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND.

Sở Tài chính đã có công văn số 5763/STC-QLNS ngày 14/11/2024 lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương và đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Đến thời điểm tổng hợp có 10/28 ý kiến thống nhất bằng văn bản, 18/28 có ý kiến góp ý và không có ý kiến góp ý từ Cổng Thông tin điện tử tỉnh. Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 309/BC-STP ngày 22/11/2024 thẩm định để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

#### **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục của Nghị quyết**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

##### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

###### **2.1. Sửa đổi Điều 3 như sau:**

Tại Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 quy định như sau:

*“Định mức phân bổ không bao gồm: ...: 32 triệu đồng/biên chế/năm đối với đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí; 17 triệu đồng/biên chế/năm đối với đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí ...).”*

Nay điều chỉnh thành:

*“Định mức phân bổ không bao gồm: ...: 45 triệu đồng/biên chế/năm đối với đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí; 30 triệu đồng/biên chế/năm đối với đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí ...).”*

###### **2.2. Sửa đổi bổ sung Điều 11:**

Tăng bình quân 50% định mức hoạt động của 1 biên chế (gồm lĩnh vực quản lý nhà nước, Đảng, các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các đơn vị sự nghiệp công lập được NSNN hỗ trợ) nhằm tiệm cận định mức chi của các cơ quan trung ương và tăng tính chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát sinh phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy cơ quan, hạn chế bổ sung ngoài dự toán. Đồng thời, tổng hợp chế độ Lễ Tết bình quân là 3 triệu đồng/biên chế/năm vào định mức chi thường xuyên

a) Sửa đổi điểm a khoản 1:

Tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 quy định như sau: “*Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan như: ...công tác phí, hội nghị, tổng kết; ...*”

Nay điều chỉnh thành: “*Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan như: ...kinh phí hỗ trợ Lễ, Tết theo quy định của cấp có thẩm quyền (bao gồm kinh phí Lễ, tết cho các hợp đồng lao động); phúc lợi tập thể; thông tin liên lạc; công tác phí; hội nghị, tổng kết (không bao gồm các hội nghị thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên)...*”

b) Sửa đổi khoản 2:

Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 quy định như sau: “... (đối với biên chế được giao nhưng chưa tuyển được xác định trên cơ sở hệ số lương bậc 1 của ngạch vị trí tuyển dụng chuyên viên là 2,34)”

Nay điều chỉnh thành: “... (đối với biên chế được giao nhưng chưa tuyển được xác định trên cơ sở hệ số lương bậc 1 của ngạch vị trí tuyển dụng chuyên viên là 2,34; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định).”

c) Sửa đổi khoản 3:

Sửa đổi định mức hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các cơ quan cấp tỉnh như sau:

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND (ngàn đồng/biên chế/năm)	Định mức phân bổ tăng thêm (ngàn đồng/biên chế/năm)	Định mức phân bổ sau điều chỉnh (ngàn đồng/biên chế/năm)
1. Đối với các sở, ban, ngành; các cơ quan Đảng; Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội			

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>	<b>Định mức phân bổ tăng thêm (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>	<b>Định mức phân bổ sau điều chỉnh (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	48.400	24.200	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	46.700	23.400	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	45.000	22.500	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	43.200	21.600	64.800
2. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở			
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	44.100	22.100	66.200
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	42.300	21.200	63.500
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	40.600	20.300	60.900
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	38.900	19.500	58.400
3. Hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	32.000	13.000	45.000

d) Sửa đổi khoản 4:

Sửa đổi định mức hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các cơ quan cấp huyện như sau:

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>	<b>Định mức phân bổ tăng thêm (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>	<b>Định mức phân bổ sau điều chỉnh (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>
-------------------------	---	--	---

1. Đối với các sở, ban, ngành; các cơ quan Đảng; Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội			
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	44.100	22.100	66.200
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	42.300	21.200	63.500
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	40.600	20.300	60.900
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	38.900	19.500	58.400
2. Hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	32.000	13.000	45.000

d) Sửa đổi khoản 5:

Tăng định mức kinh phí đối với xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) như sau:

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND	Định mức phân bổ tăng thêm	Định mức phân bổ sau điều chỉnh
<b>1. Cán bộ, công chức</b>			
- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	34.800 ngàn đồng/biên chế/năm	17.400 ngàn đồng/biên chế/năm	52.200 ngàn đồng/biên chế/năm
- Thị trấn và các xã thuộc huyện miền núi	40.000 ngàn đồng/biên chế/năm	20.000 ngàn đồng/biên chế/năm	60.000 ngàn đồng/biên chế/năm
<b>2. Người hoạt động không chuyên trách</b>			
- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	17.400 ngàn đồng/người/năm	8.700 ngàn đồng/người/năm	26.100 ngàn đồng/người/năm
- Thị trấn, xã thuộc huyện miền núi	20.000 ngàn đồng/người/năm	10.000 ngàn đồng/người/năm	30.000 ngàn đồng/người/năm
<b>3. Chi chế độ, chính sách cấp xã</b>			
- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	445.000 ngàn đồng/xã/năm	188.000 ngàn đồng/xã/năm	633.000 ngàn đồng/xã/năm

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND</b>	<b>Định mức phân bổ tăng thêm</b>	<b>Định mức phân bổ sau điều chỉnh</b>
- Thị trấn và các xã huyện miền núi	392.000 ngàn đồng/xã/năm	188.000 ngàn đồng/xã/năm	580.000 ngàn đồng/xã/năm

Trong đó bổ sung kinh phí hoạt động Đảng vào định mức chi chế độ, chính sách cấp xã.

### 2.3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau

a) Bổ sung vào định mức kinh phí hỗ trợ các ngày Lễ, Tết theo quy định của cấp có thẩm quyền (bao gồm kinh phí Lễ, tết cho các hợp đồng lao động)

b) Tăng định mức phân bổ theo biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND</b>	<b>Định mức phân bổ tăng thêm</b>	<b>Định mức phân bổ sau điều chỉnh</b>
1. Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí	17.000 ngàn đồng/biên chế/năm	13.000 ngàn đồng /biên chế/năm	30.000 ngàn đồng/biên chế/năm
2. Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí	32.000 ngàn đồng/biên chế/năm)	13.000 ngàn đồng/biên chế/năm	45.000 ngàn đồng/biên chế/năm

c) Đối với kinh phí cho các hợp đồng lao động tiếp tục bố trí bằng định mức theo Nghị quyết Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND

- Bổ sung kinh phí đóng bảo hiểm xã hội xã hội cho các hợp đồng lao động, tương ứng với mức đóng bảo hiểm xã hội là 32% (trong đó người sử dụng lao động đóng 21,5% và người lao động đóng 10,5%) với mục tiêu đảm bảo người lao động nhận đầy đủ kinh phí theo mức phân bổ tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 (5,2 triệu đồng/người/tháng đối với hợp đồng lao động và 7 triệu đồng/người/tháng đối với hợp đồng lao động lái xe)

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND</b>	<b>Định mức phân bổ tăng thêm</b>	<b>Định mức phân bổ sau điều chỉnh</b>
1. Hợp đồng lao động	5,2 triệu	1,7 triệu	6,9 triệu

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND	Định mức phân bổ tăng thêm	Định mức phân bổ sau điều chỉnh
	đồng/người/tháng	đồng/người/tháng	đồng/người/tháng
2. Hợp đồng lao động lái xe	7 triệu đồng/người/tháng	2,3 triệu đồng/người/tháng	9,3 triệu đồng/người/tháng

- Phân bổ kinh phí hoạt động cho các cơ quan, đơn vị là 10 triệu đồng/người/năm để đảm bảo chi trả điện, nước cho các hợp đồng lao động.

#### 2.4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 13

Tăng định mức chi hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng từ 44 triệu đồng/trung tâm/năm lên thành 70 triệu đồng/trung tâm/năm do tăng mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; đồng thời tổng hợp chế độ phụ cấp cho người tham gia vào công tác quản lý trung tâm như sau:

- Đối với 3 chức danh (Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ Hội khuyến học) được hưởng phụ cấp 50% mức lương cơ sở hiện hành

- Đối với kế toán, thủ quỹ được hưởng phụ cấp 20% mức lương cơ sở hiện hành

#### 2.5. Sửa đổi Điều 15 như sau

Phân bổ tăng kinh phí sự nghiệp môi trường cho huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo bố trí chi sự nghiệp môi trường tối thiểu 1% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 3 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính và thực hiện công tác thu gom, xử lý rác thải:

*DVT: Triệu đồng.*

STT	Địa phương	Định mức theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Phân bổ tăng thêm	Định mức sau khi điều chỉnh
	<b>Tổng cộng</b>	<b>106.000</b>	<b>77.000</b>	<b>183.000</b>
1	Nha Trang	89.500	10.500	100.000
2	Cam Ranh	3.000	12.000	15.000
3	Ninh Hòa	4.000	16.000	20.000
4	Vạn Ninh	2.000	8.000	10.000
5	Diên Khánh	2.000	8.000	10.000
6	Cam Lâm	2.000	8.000	10.000
7	Khánh Vĩnh	2.000	8.000	10.000
8	Khánh Sơn	1.500	6.500	8.000

## 2.6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

Cập nhật nội dung đã được sửa đổi tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 vào dự thảo Nghị quyết

“1. Định mức phân bổ theo tỷ lệ tối thiểu 5% trên tổng chi thường xuyên của ngân sách địa phương trong năm 2023 (trong đó: ngân sách cấp tỉnh chiếm 33% và ngân sách huyện chiếm 67%); đối với các năm tiếp theo của giai đoạn 2023-2025 sẽ bố trí trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách. Định mức đã bao gồm các khoản chi trợ giá, hỗ trợ theo quy định.”

## VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

- Dự kiến nhu cầu kinh phí phát sinh tăng thêm khi ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND là 334 tỷ đồng (*Chi tiết thuyết minh theo Phụ lục đính kèm*).

- Nguồn cân đối: nguồn tăng thu dự toán ngân sách địa phương năm 2025.

Dự kiến trình thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ 16 của Hội đồng nhân dân tỉnh (tháng 12 năm 2024)

## VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không

Trên đây là Tờ trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

(*Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh*)

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, TC;
- Lưu: VT, TL, HL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hữu Hoàng**

**DỰ KIẾN TĂNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ KHỎI TỈNH**

(Đính kèm Tờ trình số 13851 /TTr-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa				Định mức phân bổ dự kiến tăng				Chênh lệch Kinh phí dự kiến tăng với định mức theo NQ27
		Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4	5	6	7		
	<b>Tổng cộng</b>				<b>458.346</b>				<b>522.531</b>	<b>64.185</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp</b>				<b>66.035</b>				<b>98.823</b>	<b>32.788</b>
<b>1</b>	<b>Hoạt động quản lý nhà nước</b>				<b>50.984</b>				<b>76.504</b>	<b>25.520</b>
<b>1.1</b>	<b>Đối với các Sở, ban, ngành</b>				<b>36.647</b>				<b>54.982</b>	<b>18.335</b>
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	220	48,4	10.648	Biên chế	220	72,6	15.972	5.324
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế	212	46,7	9.900	Biên chế	212	70,1	14.861	4.961
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế	280	45,0	12.600	Biên chế	280	67,5	18.900	6.300
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế	81	43,2	3.499	Biên chế	81	64,8	5.249	1.750
<b>1.2</b>	<b>Đối với các đơn vị trực thuộc Sở</b>				<b>14.337</b>				<b>21.522</b>	<b>7.185</b>
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	152	44,1	6.703	Biên chế	152	66,2	10.062	3.359
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế	59	42,3	2.496	Biên chế	59	63,5	3.747	1.251
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế	25	40,6	1.015	Biên chế	25	60,9	1.523	508
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế	106	38,9	4.123	Biên chế	106	58,4	6.190	2.067
<b>2</b>	<b>Hoạt động các cơ quan Đảng</b>				<b>8.558</b>				<b>12.841</b>	<b>4.283</b>
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	80	48,4	3.872	Biên chế	80	72,6	5.808	1.936
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế	64	46,7	2.989	Biên chế	64	70,1	4.486	1.497
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế	31	45,0	1.395	Biên chế	31	67,5	2.093	698
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế	7	43,2	302	Biên chế	7	64,8	454	152
<b>3</b>	<b>Hoạt động Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội</b>				<b>3.677</b>				<b>5.518</b>	<b>1.841</b>
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	48	48,4	2.323	Biên chế	48	72,6	3.485	1.162
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế	29	46,7	1.354	Biên chế	29	70,1	2.033	679

STT	Nội dung	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa				Định mức phân bổ dự kiến tăng				Chênh lệch Kinh phí dự kiến tăng với định mức theo NQ27
		Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4	5	6	7		
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế		45,0		Biên chế		67,5		
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế		43,2		Biên chế		64,8		
<b>4</b>	<b>Hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp</b>	Biên chế	88	32,0	<b>2.816</b>	Biên chế	88	45,0	<b>3.960</b>	<b>1.144</b>
<b>II</b>	<b>Đối với các đơn vị sự nghiệp và hợp đồng lao động thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:</b>				<b>65.397</b>				<b>96.794</b>	<b>31.397</b>
<b>1</b>	<b>Các đơn vị sự nghiệp</b>				<b>22.754</b>				<b>33.765</b>	<b>11.011</b>
	- Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí	Biên chế	290	17	4.930	Biên chế	290	30,0	8.700	3.770
	- Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí	Biên chế	557	32	17.824	Biên chế	557	45,0	25.065	7.241
<b>2</b>	<b>Hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập</b>				<b>42.643</b>				<b>63.029</b>	<b>20.386</b>
<b>2.1</b>	<b>Các cơ quan đơn vị</b>				<b>40.987</b>				<b>54.399</b>	<b>13.412</b>
	Kinh phí khoán cho 01 hợp đồng lao động	Hợp đồng	533	5,2	33.259	Hợp đồng	533	6,9	44.132	10.873
	Kinh phí khoán đối với hợp đồng lao động lái xe	Hợp đồng	92	7,0	7.728	Hợp đồng	92	9,3	10.267	2.539
<b>2.2</b>	<b>Đối với khối Đảng</b>				<b>1.656</b>				<b>2.200</b>	<b>544</b>
	Kinh phí khoán cho 01 hợp đồng lao động	Hợp đồng	11	6,76	892	Hợp đồng	11	9,0	1.184	292
	Kinh phí khoán đối với hợp đồng lao động lái xe	Hợp đồng	7	9,10	764	Hợp đồng	7	12,1	1.016	252
<b>2.3</b>	<b>Kinh phí hoạt động</b>						643	<b>10</b>	<b>6.430</b>	<b>6.430</b>

**DỰ KIẾN TĂNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ KHỎI HUYỆN**  
(Đính kèm Tờ trình số *1385A* /TTr-UBND ngày *05/12/2024* của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa				Định mức phân bổ dự kiến tăng				Chênh lệch Kinh phí dự kiến tăng với định mức theo NQ27
		Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4		5	6	7	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>512.451</b>				<b>782.373</b>	<b>269.922</b>
<b>I</b>	<b>Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</b>			<b>44</b>	<b>5.984</b>			<b>70</b>	<b>9.030</b>	<b>3.046</b>
	- Kinh phí hoạt động của TTHTCD	Xã, phường, thị trấn	136	44	5.984	Xã, phường, thị trấn	129	70	9.030	
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp môi trường</b>			<b>106.000</b>	<b>106.000</b>			<b>183.000</b>	<b>183.000</b>	<b>77.000</b>
	- Nha Trang		1	89.500	89.500		1	100.000	100.000	
	- Cam Ranh		1	3.000	3.000		1	15.000	15.000	
	- Ninh Hòa		1	4.000	4.000		1	20.000	20.000	
	- Vạn Ninh		1	2.000	2.000		1	10.000	10.000	
	- Diên Khánh		1	2.000	2.000		1	10.000	10.000	
	- Cam Lâm		1	2.000	2.000		1	10.000	10.000	
	- Khánh Vĩnh		1	2.000	2.000		1	10.000	10.000	
	- Khánh Sơn		1	1.500	1.500		1	8.000	8.000	
<b>III</b>	<b>Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp</b>				<b>255.467</b>				<b>375.068</b>	<b>119.601</b>
<b>1</b>	<b>Hoạt động quản lý nhà nước</b>				<b>236.622</b>				<b>346.751</b>	<b>110.129</b>
<b>1.1</b>	<b>Cấp huyện</b>				<b>33.538</b>				<b>50.663</b>	<b>17.125</b>
<b>a</b>	<b>Đối với các huyện thị xã thành phố</b>									
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	509	44,1	22.447	Biên chế	509	66,2	33.696	
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế	71	42,3	3.003	Biên chế	71	63,5	4.509	
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế	2	40,6	81	Biên chế	2	60,9	122	
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế		38,9		Biên chế		58,4		



STT	Nội dung	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa				Định mức phân bổ dự kiến tăng				Chênh lệch Kinh phí dự kiến tăng với định mức theo NQ27
		Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4		5	6	7	
	- Xã loại 2 (12 người x 20 triệu đồng)		252	20,0	5.040		252	30,0	7.560	
	- Xã loại 3 (10 người x 20 triệu đồng)		10	20,0	200		10	30,0	300	
	- Tăng thêm theo Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh		11	20,0	220		11	30,0	330	
c	<b>Chi các chế độ chính sách</b>			436,4				624,0		
	- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng		114	445,0	50.730		107	633,0	67.731	
	- Thị trấn và các xã huyện miền núi		22	392,0	8.624		22	580,0	12.760	
<b>2</b>	<b>Hoạt động các cơ quan Đảng</b>				<b>10.506</b>				<b>15.874</b>	<b>5.368</b>
a	<i>Đối với các huyện thị xã thành phố</i>									
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	177	44,1	7.806		177	66,2	11.717	
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế	4	42,3	169		4	63,5	254	
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế		40,6				60,9		
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế		38,9				58,4		
b	<i>Đối với các huyện Khánh Vĩnh được phân bổ thêm 10% so với định mức</i>									
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	25	48,5	1.213		25	72,8	1.820	
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế		46,5				69,9		
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế		44,7				67,0		
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế		42,8				64,2		
c	<i>Đối với các huyện Khánh Vĩnh được phân bổ thêm 15% so với định mức</i>									
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	26	50,7	1.318		26	80,1	2.083	
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế		48,6				76,9		
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế		46,7				73,7		
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế		44,7				70,6		
<b>3</b>	<b>Hoạt động Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội</b>				<b>6.931</b>				<b>10.463</b>	<b>3.532</b>
a	<i>Đối với các huyện thị xã thành phố</i>									
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	119	44,1	5.248		119	66,2	7.878	
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế		42,3				63,5		
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế		40,6				60,9		

STT	Nội dung	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa				Định mức phân bổ dự kiến tăng				Chênh lệch Kinh phí dự kiến tăng với định mức theo NQ27
		Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4		5	6	7	
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế		38,9				58,4		
<i>b</i>	<i>Đối với các huyện Khánh Vĩnh được phân bổ thêm 10% so với định mức</i>									
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	19	48,5	922		19	72,8	1.383	
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế		46,5				69,9		
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế		44,7				67,0		
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế		42,8				64,2		
<i>c</i>	<i>Đối với các huyện Khánh Vĩnh được phân bổ thêm 15% so với định mức</i>									
	- Từ 10 biên chế trở xuống	Biên chế	15	50,7	761		15	80,1	1.202	
	- Từ 11 đến 20 biên chế	Biên chế		48,6				76,9		
	- Từ 21 đến 40 biên chế	Biên chế		46,7				73,7		
	- Từ 41 biên chế trở lên	Biên chế		44,7				70,6		
4	Hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	Biên chế	44	32,0	1.408		44	45	1.980	572
IV	Đối với các đơn vị sự nghiệp và hợp đồng lao động thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:				145.000				215.275	70.275
1	Các đơn vị sự nghiệp				4.483				6.615	2.132
	- Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí	Biên chế	46	17	782		46	30	1.380	
	- Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí	Biên chế	100	32	3.200		100	45	4.500	
	- Nhà thiếu nhi (đảm bảo một phần)		5	17	85		5	30	150	
	- Nhà thiếu nhi (đảm bảo toàn bộ)	Biên chế	13	32	416		13	45	585	
2	Hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập		2.220		140.517		2.220		208.660	68.143
2.1	Các cơ quan đơn vị									
	Kinh phí khoán cho 01 hợp đồng lao động	Người	2.135	5,2	133.224		2.135	6,9	176.778	

STT	Nội dung	Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa				Định mức phân bổ dự kiến tăng				Chênh lệch Kinh phí dự kiến tăng với định mức theo NQ27
		Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	Đơn vị tính	Số đối tượng	Định mức phân bổ (triệu đồng)	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4		5	6	7	
	Kinh phí khoán đối với hợp đồng lao động lái xe	Người	21	7,0	1.764		21	9,3	2.344	
<b>2.2</b>	<b>Đối với khối Đảng</b>									
	Kinh phí khoán cho 01 hợp đồng lao động	Người	52	6,8	4.218		52	9,0	5.597	
	Kinh phí khoán đối với hợp đồng lao động lái xe	Người	12	9,1	1.310		12	12,1	1.741	
<b>2.3</b>	<b>Kinh phí hoạt động</b>						<b>2.220</b>	<b>10</b>	<b>22.200</b>	

Số: /2024/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-BKTNS ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:**

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin**

*Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương; chế độ hỗ trợ lễ, tết; định mức phân bổ theo biên chế sự nghiệp và định mức phân bổ cho Nhà thiếu nhi cấp huyện (định mức phân bổ cho Nhà thiếu nhi cấp huyện theo biên chế đơn vị sự nghiệp: 45 triệu đồng/biên chế/năm đối với đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí; 30 triệu đồng/biên chế/năm đối với đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí và kinh phí hoạt động 150 triệu đồng/đơn vị/năm).*

*1. Cấp huyện*

.....

*2. Cấp xã*

.....”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan như: kinh phí hỗ trợ Lễ, Tết theo quy định của cấp có thẩm quyền (bao gồm kinh phí Lễ, tết cho các hợp đồng lao động); phúc lợi tập thể; thông tin liên lạc; công tác phí; hội nghị, tổng kết (không bao gồm các hội nghị thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên); văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu; chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (đối với biên chế được giao nhưng chưa tuyển được xác định trên cơ sở hệ số lương bậc 1 của ngạch vị trí tuyển dụng chuyên viên là 2,34; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định).”

c) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Đối với cấp tỉnh

a) Các cơ quan quản lý nhà nước

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>
1. Đối với các sở, ban, ngành	
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800
2. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở	
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	66.200
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	63.500
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	60.900
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	58.400

## b) Đối với cơ quan Đảng

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800

c) Đối với các cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ)

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)</b>
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800

d) Các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Kinh phí hoạt động của người làm việc theo biên chế của cấp có thẩm quyền giao theo định mức 45 triệu đồng/người/năm.

...”

Đối với tiêu chí bổ sung các cơ quan, đơn vị không thay đổi so với Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.

d) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Đối với các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

a) Các cơ quan quản lý nhà nước

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ</b> (ngàn đồng/biên chế/năm)
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	66.200
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	63.500
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	60.900
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	58.400

b) Đối với cơ quan Đảng

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ</b> (ngàn đồng/biên chế/năm)
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	66.200
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	63.500
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	60.900
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	58.400

c) Đối với các cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ)

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ</b> (ngàn đồng/biên chế/năm)
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	66.200
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	63.500
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	60.900
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	58.400

d) Các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp

- Kinh phí hoạt động của người làm việc theo biên chế của cấp có thẩm quyền giao theo định mức 45 triệu đồng/người/năm.

...”

Đối với tiêu chí bổ sung các cơ quan, đơn vị, địa phương không thay đổi so với Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.

đ) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Đối với xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
<b>1. Cán bộ, công chức</b>	
- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	52.200 ngàn đồng/biên chế/năm
- Thị trấn và các xã thuộc huyện miền núi	60.000 ngàn đồng/biên chế/năm
<b>2. Người hoạt động không chuyên trách</b>	
- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	26.100 ngàn đồng/người/năm
- Thị trấn, xã thuộc huyện miền núi	30.000 ngàn đồng/người/năm
<b>3. Chi chế độ, chính sách cấp xã</b>	
- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	633.000 ngàn đồng/xã/năm
- Thị trấn và các xã huyện miền núi	580.000 ngàn đồng/xã/năm

Định mức chi chế độ, chính sách cấp xã bao gồm các chế độ, chính sách do Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành như: phụ cấp cán bộ một cửa; kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Ban thanh tra nhân dân cấp xã; Ban chấp hành Hội người cao tuổi cấp xã; Ban Tuyên giáo Đảng ủy xã; Ban công tác mặt trận thôn; cụm văn hóa dân cư; phụ cấp cấp ủy; kinh phí hoạt động HĐND cấp xã; kinh phí hoạt động Đảng; kinh phí chi bồi dưỡng Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi cấp xã; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng cấp xã và một số nhiệm vụ khác. Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố lớn hơn 7 thì ngân sách phân bổ số kinh phí cho số thôn, tổ dân phố tăng thêm với mức 29.400 ngàn đồng/thôn, tổ dân phố.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

**“Điều 12. Đối với các đơn vị sự nghiệp và hợp đồng lao động thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập**

1..Các đơn vị sự nghiệp

Định mức phân bổ bao gồm: Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên như: kinh phí hỗ trợ Lễ, Tết theo quy định của cấp có thẩm quyền (bao gồm kinh phí Lễ, tết cho các hợp đồng lao động); phúc lợi tập thể; thông tin liên lạc, công tác phí; hội nghị, tổng kết tại cơ quan (không bao gồm các hội nghị thực hiện

theo kế hoạch của cơ quan cấp trên); văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu; chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.

Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (đối với biên chế sự nghiệp được giao nhưng chưa tuyển được xác định trên cơ sở hệ số lương bậc 1 của ngạch vị trí tuyển dụng chuyên viên là 2,34; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định).

<b>Tiêu chí phân bổ</b>	<b>Định mức phân bổ</b> (ngàn đồng/biên chế/năm)
<b>Định mức phân bổ theo biên chế</b>	
1. Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí	30.000
2. Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí	45.000

2. Hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Khoản kinh phí hoạt động cho các hợp đồng lao động với kinh phí phân bổ là 10 triệu đồng/người/năm

- Khoản kinh phí cho các đối tượng hợp đồng lao động (gồm các khoản bảo hiểm, đóng góp) tại các cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và các đơn vị sự nghiệp y tế được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ y tế dự phòng (bao gồm cả trạm y tế xã, phường, thị trấn) như sau:

+ Kinh phí phân bổ cho 01 hợp đồng lao động là 6,9 triệu đồng/người/tháng.

+ Kinh phí phân bổ cho 01 hợp đồng lao động lái xe là 9,3 triệu đồng/người/tháng.

+ Các hợp đồng lao động trong các cơ quan khối Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội được phân bổ thêm 30% so với kinh phí khoản nêu trên.

Kinh phí phân bổ cho 01 hợp đồng là căn cứ để xác định dự toán giao cho các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị xã, thành phố. Căn cứ kinh phí được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định mức chi trả cho từng hợp đồng phù hợp thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, địa phương, đơn vị có nhu cầu tăng mức chi trả hoặc tăng số lượng hợp đồng so với cấp có thẩm quyền giao năm

2023, đề nghị sử dụng nguồn kinh phí trong định mức của địa phương, nguồn kinh phí giao tự chủ của đơn vị và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 13 như sau:

“1. Trung tâm học tập cộng đồng bố trí định mức 70 triệu đồng/trung tâm/năm, trong đó chế độ phụ cấp cho người tham gia vào công tác quản lý trung tâm thực hiện như sau:

- Đối với 3 chức danh (Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ Hội khuyến học) được hưởng phụ cấp 50% mức lương cơ sở hiện hành

- Đối với kế toán, thủ quỹ được hưởng phụ cấp 20% mức lương cơ sở hiện hành

...

3. Trung tâm học tập cộng đồng - văn hóa thể thao cấp xã bố trí 96 triệu đồng/trung tâm/năm để chi cho phụ cấp và hoạt động trung tâm từ nguồn kinh phí Trung tâm học tập cộng đồng là 70 triệu đồng và bố trí 26 triệu đồng từ kinh phí trong định mức sự nghiệp văn hóa thông tin cấp xã (sau khi có Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền).”

5. Sửa đổi Điều 15 như sau:

**“Điều 15. Chi sự nghiệp môi trường**

- Thành phố Nha Trang : 100.000 triệu đồng/năm
- Thành phố Cam Ranh : 15.000 triệu đồng/năm
- Thị xã Ninh Hòa : 20.000 triệu đồng/năm
- Huyện Vạn Ninh : 10.000 triệu đồng/năm
- Huyện Diên Khánh : 10.000 triệu đồng/năm
- Huyện Cam Lâm : 10.000 triệu đồng/năm
- Huyện Khánh Vĩnh : 10.000 triệu đồng/năm
- Huyện Khánh Sơn : 8.000 triệu đồng/năm”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Định mức phân bổ theo tỷ lệ tối thiểu 5% trên tổng chi thường xuyên của ngân sách địa phương trong năm 2023 (trong đó: ngân sách cấp tỉnh chiếm 33% và ngân sách huyện chiếm 67%); đối với các năm tiếp theo của giai đoạn 2023-2025 sẽ bố trí trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách. Định mức đã bao gồm các khoản chi trợ giá, hỗ trợ theo quy định.”

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025

2. Các nội dung tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo;
- Báo Khánh Hòa;
- Đài Phát thanh – Truyền hình Khánh Hòa;
- Lưu: VT, ĐN

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Khắc Toàn**